

Số: 180/2024/QĐST-HNGĐ

G, ngày 27 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Minh;

2. Bà Nguyễn Thị Nga.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212, Điều 213, Điều 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2024/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị BTNQ, sinh năm 1981; ĐKKHKT: Thôn KU, xã Đ, huyện G, thành phố H.

Bị đơn: Anh NVT, sinh năm 1979; ĐKKHKT: Thôn KU, xã Đ, huyện G, thành phố H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị BTNQ và anh NVT, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị BTNQ và anh NVT xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu NQN, sinh ngày 16/6/2004 và cháu NQH, sinh ngày 30/8/2007. Hiện nay cháu N đã trưởng thành, đủ 18 tuổi không có nhược điểm gì về thể chất, tinh thần, chị Q và anh T không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao cháu NQH cho anh NVT là bố trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với chị BTNQ đến khi cháu NQH trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị BTNQ và anh NVT thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Chị BTNQ và anh NVT xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của BTNQ chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 0004062 ngày 12/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Đ, G (GCNKH số 27/2002)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Ngọc